

Số: /2024/QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày tháng năm 2024

Dự thảo

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định đối tượng hộ gia đình nghèo chưa tự túc được lương thực;
đối tượng được trợ cấp, mức trợ cấp, thời gian trợ cấp gạo bảo vệ và
phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2011/TT-BKHĐT ngày 10 tháng 01 năm 2011 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định nội dung Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia; danh mục và nội dung Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, huyện, xã;

Căn cứ Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn một số hoạt động về lâm nghiệp thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số...../TTr-SNN ngày...../...../2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định về đối tượng hộ gia đình nghèo chưa tự túc được lương thực; đối tượng được trợ cấp, mức trợ cấp, thời gian trợ cấp gạo bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn theo Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về hướng dẫn một số hoạt động về lâm nghiệp thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

2. Đối tượng áp dụng: Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan đến hoạt động trợ cấp gạo bảo vệ và phát triển rừng theo Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Điều 2. Đối tượng hộ gia đình nghèo chưa tự túc được lương thực; đối tượng được trợ cấp, mức trợ cấp, thời gian, nguồn kinh phí trợ cấp gạo bảo vệ và phát triển rừng

1. Đối tượng hộ gia đình nghèo chưa tự túc được lương thực:

Là hộ gia đình nghèo được xác định theo chuẩn hộ nghèo quy định tại Điều a, Khoản 2, Điều 3, Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025, Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và Khoản 1, Điều 1, Thông tư số 02/2011/TT-BKHĐT ngày 10/01/2011 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định nội dung Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia; danh mục và nội dung Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, huyện, xã tại thời điểm thực hiện rà soát để trợ cấp gạo có nguồn dự trữ lương thực và dự trữ bằng tiền, trị giá hàng hóa, tài sản có thể bán được để mua lương thực tính bình quân đầu người đạt dưới 13 kg thóc hoặc 9 kg gạo 1 tháng.

2. Đối tượng được trợ cấp, mức trợ cấp, thời gian trợ cấp, nguồn kinh phí:

a) Đối tượng được trợ cấp: Hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số, hộ gia đình người Kinh nghèo có tham gia bảo vệ rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh có trồng bổ sung, trồng rừng phòng hộ, trồng rừng sản xuất và phát triển lâm sản ngoài gỗ trên diện tích đất lâm nghiệp được giao với diện tích tối thiểu từ 0,3 ha trở lên trong thời gian chưa tự túc được lương thực, đạt các tiêu chí quy định tại Khoản 3, Điều 22, Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

b) Mức trợ cấp: 15 kg gạo/khẩu/tháng hoặc bằng tiền tương ứng với giá trị 15 kg gạo/khẩu/tháng tại thời điểm trợ cấp (theo giá công bố của địa phương).

c) Thời gian trợ cấp: Số tháng được trợ cấp gạo 06 tháng/năm và thời gian trợ cấp tối đa không quá 07 năm.

d) Số lần trợ cấp, mức trợ cấp từng lần: Số lần trợ cấp là 02 lần/năm; mức trợ cấp mỗi lần là 50% tổng số gạo được trợ cấp trong năm.

e) Nguồn kinh phí thực hiện: vốn sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030; giai đoạn I từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện nhiệm vụ trợ cấp gạo bảo vệ và phát triển rừng thuộc Tiểu dự án 1, Dự án 3, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, cụ thể:

a) Nội dung ủy quyền: Quyết định đối tượng được trợ cấp, mức trợ cấp, đối tượng hộ gia đình nghèo chưa tự túc được lương thực trên địa bàn.

b) Thời gian ủy quyền: Từ ngày ký ban hành Quyết định này đến hết ngày 31/12/2025.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo tổ chức thực hiện trợ cấp gạo bảo vệ và phát triển rừng theo quy định của pháp luật; chủ đầu tư lập dự án trợ cấp gạo và trình Chủ tịch UBND cấp huyện phê duyệt; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về nội dung được ủy quyền.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh và các sở, ngành liên quan kiểm tra, giám sát, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngàytháng.....năm 2024.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Lao động - Thương binh và Xã hội; Trưởng Ban Dân tộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Cục Lâm nghiệp (b/c);
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lương Trọng Quỳnh